

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 12/2024/HS-ST

Ngày: 27/02/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Thu;
- Ông Phạm Minh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chí Đông - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đào Minh Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/HSST ngày 17/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024. đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thành T**; giới tính: Nam; sinh năm 1989, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: 52/4A **tổ A, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở trước khi bị bắt: 52/4A **tổ A, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh**; học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Lê Thành L**, sinh năm 1966 và bà **Phạm Thị L1**, sinh năm 1968; anh, chị, em ruột: Có 01 người, sinh năm: 1993; vợ là **Võ Thị Thu T1**, sinh năm 1990 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/11/2012 bị **công an xã P, huyện N** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng do có hành vi đánh bạc, theo Quyết định 0015468/QĐ-XPHC. Đến nay **Lê Thành T** chưa nộp phạt theo quy định nhưng đã hết thời hiệu.

Bị cáo **Lê Thành T** bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam **C - Công an Thành phố H** - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **Phạm Minh H**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 4 ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trần Văn T2**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: **H Đ, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 13/11/2023 **Lê Thành T** nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản của người dân để trộm cắp. **T** mang theo 01 chiếc mỏ lết, 01 máy vặn ốc vít bằng pin, **T** đi bộ trên **đường H** nhưng đội nón bảo hiểm, đeo khẩu trang để tránh bị phát hiện. Khi đến trước **tiệm T3, số nhà B H, tổ G, ấp E, xã P, huyện N** do chị **Phạm Minh H** làm chủ, thấy tiệm tạp hóa khóa cửa ngoài thì **T** đã leo vào nhà từ cổng của số nhà 2791. **T** leo lên hàng rào bê tông, băng qua mái tôn của tạp hóa Thủy Vân 2, do máy bắn vít bị hỏng nên **T** dùng mỏ lết để mở các ốc vít trên mái tôn. Khi mở được mái tôn khoảng chừng 5m thì **T** đu người vào trong nhà và dùng bật lửa dò đường, tìm kiếm tài sản. **T** đi đến tủ gỗ gần cửa ra vào lấy một hũ nhựa bên trong có chứa các tờ tiền có mệnh giá 10.000 đồng, 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng và 200.000 đồng. **T** tiếp tục kéo ngăn tủ gỗ ra thì thấy các tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 20.000 đồng và các thẻ cào điện thoại nên **T** lấy tất cả bỏ vào hũ nhựa đã lấy trước đó. **T** kéo ngăn tủ phía dưới, bên trong có 01 bọc nylon màu đen chứa các tờ tiền mệnh giá 500 đồng, 1.000 đồng, 2.000 đồng, 5.000 đồng cùng 01 bọc nylon màu đen cũng chứa các tờ tiền có mệnh giá như trên. **T** đã lấy bọc nylon màu trắng để bỏ hũ nhựa và các bọc đựng tiền và toàn bộ số tiền trong tủ gỗ rồi tìm đường thoát ra ngoài. **T** lấy 01 chiếc thang hình chữ A, cao 2m trong kho hàng của **tiệm T4** nhưng bị ngã, **T** phát hiện trong tiệm có gắn camera nên đã dùng thang leo lên đây 02 mắt camera hướng lên phía mái tôn. Lúc này, **T** dùng chiếc ghế nhựa màu xanh để lên kệ sắt đựng hàng leo lên kệ, dùng tay và chân đu vào thanh xà ngang và tẩu thoát ra ngoài cùng tài sản trộm cắp, máy bắn vít, mỏ lết. Nón bảo hiểm của **T** bị vướng vào tấm tôn nên đã rơi ngược vào bên trong tiệm tạp hóa. Khi đi tới **số nhà B H, ấp F, xã P**, **T** cởi áo để bọc các tài sản vừa trộm cắp được. Trên đường về nhà, **T** đã bỏ áo khoác, máy bắn vít, mỏ lết và hột quẹt vào thùng rác trước **số nhà H H, ấp E, xã P**. Về đến nhà, **T** kiểm đếm số tiền vừa trộm cắp được, tổng số tiền là 2.680.000 đồng. Số thẻ cào điện thoại **T** trộm cắp là 52 cái, bao gồm: 07 thẻ Vietnammobile, mỗi thẻ mệnh giá 100.000 đồng; 10 thẻ không rõ mạng viễn thông, mỗi thẻ mệnh giá 100.000 đồng; 22 thẻ không rõ mạng viễn thông, mỗi thẻ mệnh giá 50.000 đồng; 07 thẻ không rõ mạng viễn thông, mỗi thẻ mệnh giá 20.000 đồng; 06 thẻ không rõ mạng viễn thông, mỗi thẻ mệnh giá 10.000 đồng. **T** đưa cho chị **T1** số tiền 1.750.000 đồng và nói với chị **T1** số tiền 950.000 đồng là nhặt được, số còn lại là **T** ứng lương. **T** trả nợ cho ông **T2** số tiền 160.000 đồng, còn lại 770.000 đồng thì tiêu xài cá nhân. Số thẻ cào **T** nạp điện

thoại để chơi game và ném thẻ cào qua sử dụng vào thùng rác trước nhà. Quá trình điều tra và truy xét, đến ngày 17/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số: 52/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: 52 thẻ cào điện thoại do T chiếm đoạt nêu trên có giá trị là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Riêng hũ nhựa màu trắng, không rõ nhãn hiệu nên Hội đồng định giá không thể định giá.

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc USB màu tím, nhãn hiệu Kingston bên trong chứa dữ liệu hình ảnh Lê Thành T trộm cắp tài sản, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án;

- 01 chiếc nón bảo hiểm, màu xanh, có sọc trắng – đỏ - xám, hiện đã nhập kho vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè;

- 01 cái ghế nhựa màu xanh, kích thước khoảng 26cm x 45cm và 01 thang kim loại chữ A, cao 20. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trao trả lại cho chị Phạm Minh H là chủ sở hữu hợp pháp;

- Chị Võ Thị Thu T1 tự nguyện giao nộp 550.000 đồng. Đây là số tiền T trộm cắp và đưa cho chị T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trao trả lại cho chị Phạm Minh H là chủ sở hữu hợp pháp;

- Ông Trần Văn T2 tự nguyện giao nộp 160.000 đồng. Đây là số tiền T trộm cắp và trả nợ cho ông T2, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trao trả lại cho chị Phạm Minh H là chủ sở hữu hợp pháp;

- 01 chiếc điện thoại di động S S9. T sử dụng điện thoại để nạp các thẻ cào chơi game. Đây là điện thoại của chị Võ Thị Thu T1 mua vào năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trao trả lại cho chị T1 là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về dân sự: Chị Phạm Thị H1 và ông Trần Văn T2 không có yêu cầu bồi thường hoặc yêu cầu khác trong vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS-NB ngày 15/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè đã truy tố bị cáo Lê Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Lê Thành T** từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ 01 chiếc USB màu tím, nhãn hiệu Kingston bên trong chứa dữ liệu hình ảnh **Lê Thành T** trộm cắp tài sản; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc nón bảo hiểm, màu xanh, có sọc trắng – đỏ - xám.

- Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện N**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào lúc 03 giờ 15 phút ngày 13/11/2023 **Lê Thành T** đã đột nhập vào **tiệm T3** của chị **Phạm Minh H**, tại địa chỉ **số B H, tổ G, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh** lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Số tiền bị cáo trộm cắp là 2.680.000 đồng và 52 thẻ cào điện thoại được định giá là 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 5.680.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè truy tố là đúng người, đúng tội.

Bị cáo phạm tội là do lỗi cố ý, thể hiện sự coi thường pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo

nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, **Lê Thành T** có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định, hiện đang bị tạm giam, do đó Hội đồng xét xử xem xét không buộc bị cáo phải chịu phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Chị **Võ Thị Thu T1** nhận số tiền 1.750.000 đồng do **T** đưa và **Trần Văn T2** nhận số tiền 160.000 đồng **T** trả nợ. Chị **T1** và ông **T2** không biết số tiền trên do **T** phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra **Công an huyện N** không đề nghị xử lý là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc USB màu tím, nhãn hiệu Kingston bên trong chứa dữ liệu hình ảnh **Lê Thành T** trộm cắp tài sản, được tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc nón bảo hiểm, màu xanh, có sọc trắng – đỏ - xám, bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về án phí: Bị cáo **Lê Thành T** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thành T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thành T** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1 Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc nón bảo hiểm, màu xanh, có sọc trắng – đỏ - xám.

(Theo phiếu nhập kho số 2024-NK024 ngày 24 tháng 1 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2 Áp dụng Điều 107 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Tiếp tục lưu trữ 01 (một) chiếc USB màu tím, nhãn hiệu Kingston bên trong chứa dữ liệu hình ảnh **Lê Thành T** trộm cắp tài sản trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị D